

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Con

Giờ

Cả

Mỗi

Như

Bé

Phá

Sắc

M 2832³¹⁷
ban 1
TỰA

Con tiên cháu rồng,
Giống nhà Lạc-Hồng,
Cả giai lẫn gái,
Mỗi ngày mỗi đông;
Nhớn mong mở mắt,
Bé phải vỡ lòng.
Phạm trẻ Nam-Việt,
Sách này học chung.

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU.

a b c d d e g h

i k l m n o p q

r s t u v x y

A B C D E

G H I K L M

N O P Q R S

T U V X Y

1
a b c d đ e g h

i k l m n o p q

r s t u v x y

A B C D Đ E

G H I K L M

N O P Q R S

T U V X Y

a ă â o ô ơ
e ê u ư
i y

Dạy trẻ biết bảy nhiều chữ này là chữ chính, có thể viết một mình, nó thành chữ mà đọc kể là tiếng được; nhưng có ba chữ “ ă â i ” không thường dùng một mình.

Ngoài bảy nhiều chữ thời là những nét phụ, có phụ vào những chữ chính mới kể là chữ.

· ‘ ‘ ? ~
a ạ á à ả ã

1. — VẦN CHỮ PHỤ ĐỨNG TRÊN CHỮ CHÍNH

B. — Ba (bă bâ) be bê
bi bo bô bơ bu bur.

C. — Ca (că câ) *ke kê*
ki co cô cơ cu cur.

D. — Da (dă dâ) de dê
di do dô dơ du dur.

Đ. — Đa (đă đâ) đe đê
đi đo đồ dơ đu đur.

G. — Ga (gă gâ) *ghe ghê*
ghi go gô gơ gu gur.

H. — Ha (hă hâ) he hê
hi ho hô hơ hu hur.

Dạy trẻ biết những chữ ở trong cái dấu () là chỉ có vần thôi, chớ không dùng viết thế làm chữ đọc. Các vần sau thế cả.

L. — La (lă lâ) le lê
li lo lô lơ lu lư.

M. — Ma (mă mâ) me mê
mì mo mô mơ mù mư.

N. — Na (nă nâ) ne nê
nì no nô nơ nu nư.

P. — Pa (pă pâ) pe pê
pì po pô pơ pu pư.

R. — Ra (ră râ) re rê
rì ro rô rơ ru rư.

S. — Sa (să sâ) se sê
sì so sô sơ su sư.

T. — Ta (tả tả) te tê
ti to tô tơ tu tư.

V. — Va (vả vả) ve vê
vi vo vô vơ vu vư.

X. — Xa (xả xả) xe xê
xi xo xô xơ xu xư.

Ch. — Cha (chả chả) che chê
chi cho chô chơ chu chư.

Gi. — Gia (giả giả) gie giê
gì gio giô giờ giu giữ.

K. — Kha (khả khả) khe khê
khi kho khô khơ khu khư.

Ng. — **Nga** (ngă ngâ) *nghe nghe*
nghi ngo ngô ngư ngu ngư.

Nh. — **Nha** (nhă nhâ) *nhe nhê*
nhi nho nhô như như như.

Ph. — **Pha** (phă phâ) *phe phê*
phi pho phô phơ phù phư.

Qu. — **Qua** (quă quâ) *que*
quê qui (quo quô) quơ.

Th. — **Tha** (thă thâ) *the thê*
thi tho thô thơ thu thư,

Tr. — **Tra** (tră trâ) *tre trê*
tri tro trô trơ tru trư.

2. — VẦN CHỮ CHÍNH ĐỨNG TRÊN CHỮ PHỤ

am	ăm	âm,	an	ăn	ân,
ang	ăng	âng ;	ap	áp	áp,
at	ăt	ăt,	ac	ắc	ắc.
em	êm	im,	en	ên	in,
eng	êng	ing,	ep	ép	íp,
et	êt	it,	ec	êc	ic.
om	ôm	ơm,	on	ôn	ơn,
ong	ông	ơng ;	op	ôp	ơp,
ot	ôt	ơt,	oc	ôc	ơc.
um	um,	un	un,	ung	ưng ;
up	úp,	ut	urt,	uc	ưc,

oam oăm uâm, oan oăn uân,
oang oăng uâng; oap oăp uăp,
oat oăt uât, oac oăc uâc.
oem uêm uim, oen uên uin,
oeng uêng uing; oep uêp uip,
oet uêt uit, oec uêc uic,
uôm uơm, uôn uơu, uông uơng;
uôp uơp, uôt uơt, uôc uơc.
iêm iên iêng; iêp iêt iêc.
uyêm uyên uyêng; uyêp uyêt uyêc.
anh ênh inh; ach êch ich.
oanh uênh uynh; oach uêch uych.

Dạy trẻ biết bốn vầu « iêm, iên, iêt iêu » này, khi nào viết một mình nó làm chữ thời dùng chữ « y » thay chữ « i », như:

yêm yên yêt yêu

3. — VẦN CÁC CHỮ CHÍNH ĐỪNG VỚI NHAU

ai	ay	ây	ao	au	âu
eo	êu	iu	ia	iêu	
oa	oai	oay	uây		
oc	uc	uy	uya		
oi	ôi	ơi	ui	ưi	
oao	ueo				
ua	ưa	ươ	uôi	ươi	
uu	ươu.				

ươnh ươch

Hai vần này là tự ý riêng của tôi muốn thêm vào để thay cho những vần trong khi phải viết gượng; nhưng không dám coi như các vần đã công-nhận của quốc-dân, vậy nên in riêng ra sau đây, để tự người dạy trẻ học có muốn dạy hay không, tùy ý.

Nếu ông nào có lấy làm tiện mà dạy cho trẻ học thời sự dùng đọc như sau này :

Bưởnh. — thay cho chữ « bản », 本, *sale*.

Dướch. — thay cho chữ « dút », 束, ôm cầm ai nữ dướch giấy. . .

NHỜI BÀN PHỤ

Thiên-hạ xưa nay, bao những cái qui-trình to nhón lâu giải mà lấy cái tài thông-minh của một người, dùng cái thì-giờ trong một đời người muốn cho được tốt vẹn, thật khó. Bởi thế cho nên chữ quốc-ngữ của ta chưa được toản. Cứ ý riêng tôi xem ra, hăng như mười vắn :

« ong ông ờng ung ững ọc ôc ơc ưc ưc »

nên lấy mười vắn :

« onh ônh ơnh unh ưnh ơch ôch ơch ưch ưch »

thay vào Dùng như :

onh. — (蜂 abeille) ôch. — (螺 escargot)

lưnh. — (背 le dos) châu Ưch. — (澳洲 Océanie).

Còn mười chữ vắn cũ kia, lấy theo với các vắn « eng eng ing ec éc ic », thỉnh-thoảng có dùng đến một hai chữ, như Bong (tiếng chuông), Póc (dịch tiếng porte, chữ tây) ; còn thời bỏ làm vắn ngọng. Như thế thời rộng được thêm vắn mà mười tiếng vắn cần dùng kia cũng có nhẽ mới hợp thuận. Tiếc cho từ lúc khai-sáng đã chót định, nay khó mỗi lúc mà đổi thay.

BÀI HỌC

1

Sách quốc - ngữ,
chữ nước ta;
con cái nhà,
đều phải học.

Miệng thời đọc,
tai thời nghe;
đừng ngủ - nhe,
chớ lấu - tấu.

Mày lên sáu,
đương vỡ lòng,
học cho thông,
thấy khỏi mắng.

2

Trong giới đất,
nhất là người,
ở trên đời,
hơn giống vật.

Mày bé thật,
chưa biết gì,
còn ngu - si,
phải dạy bảo,

cho biết đạo,
mới nên thân;
sau nhón dân,
ngày chóng khá.

Tiền đây dạy trẻ biết chữ số và giấu chấm câu nhân thể.

3

Ai đề ta ? Hai thân ta,
 Cha cùng mẹ, là thân nhất !
 bồng lai bê, trong giới đất,
 thương mà yêu, không ai hơn.
 Ơn nhường bao, Mày biết ơn,
 mày phải ngẫm, nên phải hiếu.
 Áo mặc ấm, Nghĩ chữ «hiếu»,
 mẹ may cho ; đạo làm con ;
 cơm ăn no, mày còn non,
 cha kiếm hộ, nên học trước.
 Cha mẹ đó, Đi một bước,
 là hai thân, nhớ hai thân.

4

Hai thân ta,
 là thân nhất !
 trong giới đất,
 không ai hơn.
 Mày biết ơn,
 nên phải hiếu.
 Nghĩ chữ «hiếu»,
 đạo làm con ;
 mày còn non,
 nên học trước.
 Đi một bước,
 nhớ hai thân.

5

Mày còn nhỏ,
có mẹ cha,
lúc vào, ra,
được vui-vẻ.

Mày còn bé,
mẹ hay chiều;
thấy mẹ yêu,
chớ làm nũng.

Đã đi học,
phải cho ngoan.

Hay quây càn,
là chẳng hiếu.

6

Mày còn bé,
mẹ hay lo,
ăn muốn cho,
lại sợ độc.

Mày ốm, nhọc,
mẹ lo, thương,
tìm thuốc thang,
che nắng gió.

Con nghĩ đó,
sao cho ngoan.

Hay ăn càn,
là chẳng hiếu.

7

Mày còn bé,
mẹ hay thương.

Đi ra đường,
con phải giữ :

Chánh xe, ngựa,
đừng đánh nhau.

Đi học lâu,
mẹ hay nhớ.

Mẹ đứng cửa,
đợi mà mong.

Mày chơi rong,
là chẳng hiều.

8

Anh em ruột,
một mẹ cha,

mẹ đẻ ra,
trước sau đó,

cùng máu mủ,
như tay chân,

nên yêu thân,
chớ ganh tỵ;

em coi chị,
cũng như anh,

trước là tình,
sau có lẽ.

9

Người có họ,
 tỏ sinh ra,
 ông đến cha,
 bác cùng chú,
 họ nội đó,
 cùng tôn chi;
 cậu và dì,
 về họ mẹ.

Mày còn bé,
 nay dạy qua;
 còn họ xa,
 sau nhón biết.

10

Người trong họ,
 có bề trên,
 lạ hay quen,
 đều phải kính.
 Có khách đến,
 không được đùa;
 ai cho quà,
 đừng lấy vội.

Ông bà gọi,
 phải dạ, thưa;
 phạm người nhà,
 không được hỗn.

11

Mày bé dại, Dạy mày biết,
 mãi vui chơi, phép vệ - sinh :
 muốn ra người, ăn quả xanh,
 phải chăm học. khó tiêu hoá ;
 Miệng đừng đọc, uống nước lã,
 đừng trông ngang; có nhiều sâu ;
 học dở - dang, áo mặc lâu,
 đừng có chán. hay ghè lờ ;
 Học có bạn, mặt không rửa,
 mày dễ hay ; sinh u - mê .
 mèn trọng thầy, Đương mùa hè,
 học chóng biết. càng phải giữ.

12

Mày bé dại, Dạy mày biết,
 mãi vui chơi, phép vệ - sinh :
 muốn ra người, ăn quả xanh,
 phải chăm học. khó tiêu hoá ;
 Miệng đừng đọc, uống nước lã,
 đừng trông ngang; có nhiều sâu ;
 học dở - dang, áo mặc lâu,
 đừng có chán. hay ghè lờ ;
 Học có bạn, mặt không rửa,
 mày dễ hay ; sinh u - mê .
 mèn trọng thầy, Đương mùa hè,
 học chóng biết. càng phải giữ.

13

Các giống vật,
thật là nhiều :
như con hươu,
ở rừng cò ;
như con chó,
nuôi giữ nhà ;
con ba - ba,
loài màu lạnh ;
loài có cánh,
như chim gâu ;
còn loài sâu,
như bọ-róm.

14

Cây và cò,
có khác loài,
trông bề ngoài,
cũng đã biết.
Như cây mít,
có nhiều cành ;
lúa, cò danh,
có từng đót.
Còn trong ruột,
lại khác nhau ;
vài năm sau,
mày biết kỹ.

15

Đá bờ sông,
không sông chết,
không có biết,
không có ăn;
người không lẫn,
cứ' nằm đây,

Như đá quây,
như đá xanh.
như mảnh sành,
như đất thó.

Các vật đó,
theo loài kim.

16

Các loài kim,
tìm ở đất.
Nhất là sắt,
nhì là đồng,
lăm đỏ dùng,
khắp trong nước;

Như vàng, bạc,
đời quí hơn,
đúc làm tiền,
đề mua bán;

ai có vạ,
là người giàu.

17

Vón xưa ta,
 nhà Hồng - lạc ;
 nay tên nước,
 gọi Việt - nam.

Bón nghìn năm,
 ngày rộng đất ;
 Trung, Nam, Bắc,
 ấy ba kỳ ;
 tên dẫu chia,
 đất như trước,

Cùng các nước,
 là Đông - Dương.

18

Đầu trị nước,
 đức Kinh-Dương,
 truyền Hùng - vương,
 mười tám chúa.

Qua mây họ,
 quan Tàu sang,
 vua Đinh-hoàng,
 khai nghiệp đề.
 Trái Lê, Lý,
 đền Trần, Lê.

Nay vua ta,
 giòng họ Nguyễn.

Tiền đây dạy trẻ biết : tên người, tên đất, dẫu nên viết chữ hoa.

19

Mày đè ra,
là người Việt ;

mày phải biết,
yêu nước Nam.

Bốn nghìn năm,
nước đã cũ ;

nhờ Bảo - Hộ,
dân văn - minh.

Tính số dân,
hai-nhăm triệu ;

cùng yêu - giàu,
như anh em,

20

Nước Lãng-sa,
là Bảo-hộ.

Người tây đó,
từ tây sang,

vừa mở-mang,
vừa bảo dạy.

Ta tin cậy,
nhận làm thấy.

Rồi từ đây,
khôn hơn trước.

Phàm dân nước,
nên biết ơn.

21

Chữ Lãng-sa,
ta phải học ;
đạo thánh Không,
ta nên theo.

Việc còn nhiều,
mày chữa thâu.

Nay lên sáu,
học sách này ;
mong cho mày,
ngày chóng khá.

Mày khá cả,
nước được hay.



Học xong quyển sách này,

Mày học quyển Lên-Tám.

Có nhận nghĩa quyển trước,

Mới nên học quyển sau.

Nếu không đầu vào đầu,

Công thầy dạy mất cả ;

Dẫu học bao nhiêu nữa,

Cũng không làm trò gì.



Sách đương in :

ĐẠI-HỌC 學大

Dịch ra quốc-văn.

Trong sách này, về sự in, mặt trang có chia làm ba khoảng.

1° Khoảng dữa là phần rộng hơn, in *chính-văn*, *chương-cú* và *lập-chủ* đã theo văn-thể mà dịch ra quốc-văn.

2° Khoảng trên là phần thứ hai, in nguyên *chính-văn* và *chương-cú* bằng *Hán-văn*, có in quốc-văn làm tiếng cho tiện đọc, có dịch nghĩa từng chữ riêng và có mượn nguyên-tắc của Pháp - văn (*Grammaire françaises*) để giải nghĩa cho được thêm rõ.

3° Khoảng dưới là phần hẹp bé, in những nhời của kẻ dịch chú giải thêm về những chữ, những câu trong văn dịch chưa được rõ nghĩa.

Sách này, giấy bao nhiêu trang, bản bao nhiêu đồng, đến khi in xong, sẽ xin tường cáo.

Tản-Đà Thư-Điểm kính bạch.

Certifié conforme au tirage
s'élevant à Deux mille
exemplaires.

Hanoï, le 29 août 1922

[Signature]



HANOI
Imprimerie Tonkinoise
82, Rue du Chanvre
1922